|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH****VÀ XÃ HỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DỰ THẢO**

**BÁO CÁO**

**TỔNG KẾT THI HÀNH LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2014**

**(GIAI ĐOẠN 2016 - 2020)**

Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 (sau đây gọi tắt là Luật BHXH 2014) được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 (riêng quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 2 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018).

Luật BHXH 2014 thay thế Luật bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 với những điều chỉnh bổ sung, sửa đổi nổi bật, bao gồm: (1) Mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến những người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng và những người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; (2) Nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện; (3) Tăng thời gian nghỉ chế độ thai sản từ 4 tháng lên 6 tháng và quy định chế độ nghỉ thai sản đối với nam giới khi vợ sinh con; (4) Điều chỉnh công thức tính lương hưu; và (5) Quy định chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế của cơ quan bảo hiểm xã hội. Sau khi Luật BHXH 2014 được ban hành, Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các Bộ, ngành liên quan đã xây dựng, trình ban hành và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền.

Căn cứ Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 28-NQ/TW), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được giao nhiệm vụ chủ trì nghiên cứu, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét sửa đổi Luật BHXH 2014 nhẳm thể chế hóa các nội dung cải cách trong Nghị quyết số 28-NQ/TW và khắc phục những quy định không còn phù hợp với tình hình thực tiễn.

Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật BHXH 2014 giai đoạn 2016 - 2020 được xây dựng trên cơ sở kế thừa các nội dung của Đề án cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đã được Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII thông qua tại Hội nghị lần thứ bảy (tháng 5/2018) và tổng hợp từ báo cáo của … Bộ, ngành, … Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, … Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam… Báo cáo này cũng đề xuất những những nội dung cần được điều chỉnh, những vấn đề cần bổ sung trong thực hiện Đề án Luật BHXH sửa đổi. Báo cáo tổng kết thi hành Luật BHXH 2014 gồm 04 phần chính cụ thể như sau:

Phần thứ nhất: Tình hình kinh tế xã hội của đất nước giai đoạn 2016 - 2020.

Phần thứ hai: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thi hành Luật BHXH 2014.

Phần thứ ba: Tình hình thực hiện Luật BHXH 2014.

Phần thứ tư: Kiến nghị và đề xuất.

# Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC**

**GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

## I. TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ VIỆC LÀM

Luật BHXH 2014 được triển khai thực hiện trong bối cảnh Việt Nam đạt được tỷ lệ tăng trưởng vững chắc và tương đối ổn định với tiến bộ xã hội đáng kể trong suốt hai thập kỷ rưỡi vừa qua. Tỷ lệ người nghèo theo chuẩn nghèo quốc tế ở mức 1,90 đô-la Mỹ giảm từ 50% năm 1992 xuống chỉ còn 3% vào năm 2014[[1]](#footnote-1). Đây là điều kiện thuận lợi để Nhà nước có thể hỗ trợ mở rộng đối tượng tham gia BHXH. Tuy nhiên, chúng ta cũng đang đối mặt với thách thức lớn về quá trình già hóa dân số đang diễn ra khá nhanh.

### 1.1. Về tăng tưởng kinh tế

Trong giai đoạn 2016 - 2019, nền kinh tế của chúng ta có tốc độ tăng trưởng từ 6,21% đến 7,31% với số lượng doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp trở lại hoạt động tăng đáng kể. Đây là những tín hiệu khả quan cho công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc. Tuy nhiên số liệu thống kê cũng cho thấy số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, đặc biệt ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể là khá cao (Biểu 1). Điều này đòi hỏi công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH cả bắt buộc và tự nguyện của toàn ngành BHXH và các địa phương cần nỗ lực rất lớn.

**Biểu 1. Tăng trưởng kinh tế và phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2016 -2019**

*Đơn vị tính: Doanh nghiệp, %*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** |
| **Tổng sản phẩm trong nước (GDP)** | **6,21%** | **6,81** | **7,31%** | **6,97%** |
| **Số doanh nghiệp thành lập mới**  | **110.100**  | **126.859** | **131.275** | **138.100** |
| *Tỷ lệ tăng so với năm trước* | *-* | *115,22%* | *103,48%* | *105,20%* |
| **Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động**  | **26.689** | **26.448** | **34.010** | **39.400** |
| *Tỷ lệ tăng so với năm trước* | *-* | *99,10%* | *128,59%* | *115,85%* |
| **Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động** | **60.667** | **60.553** | **90.651** | **119.200** |
| *Tỷ lệ tăng so với năm trước* | *-* | *99,81%* | *149,71%* | *131,49%* |
| *Trong đó:*- Tạm ngừng kinh doanh có thời hạn | 19.917 | 21.684 | 27.126 | 28.700 |
| *- Tỷ lệ tăng so với năm trước* | *-* | *108,87%* | *125,10%* | *105,80%* |
| - Tạm ngừng hoạt động không đăng ký hoặc chờ giải thể | 40.750 | 38.869 | 63.525 | 90.500 |
| *- Tỷ lệ tăng so với năm trước* | *-* | *95,38%* | *163,43%* | *142,4%* |

*Nguồn: Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ các năm 2016, 2017, 2018 và 2019.*

### 1.2. Về lao động, việc làm

Tình hình lao động - việc làm có tác động rất lớn đến hiệu quả của việc triển khai thực hiện pháp luật bảo hiểm xã hội ở các khía cạnh diện bao phủ, khả năng đóng góp của các nhóm lao động. Số liệu thống kê cho thấy trong giai đoạn 2016-2019, mặc dù tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi thấp ở cả khu vực thành thị và nông thôn, nhưng tỷ lệ thất nghiệp của thanh thanh niên (từ 15-24 tuổi) lại cao, đặc biệt ở khu vực thành thị, xấp xỉ 11% (Biểu 2). Bên cạnh đó, tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản rất cao, chiếm hơn một nửa lực lượng lao động trong độ tuổi.

**Biểu 2. Tình hình thất nghiệp và việc làm khu vực phi chính thức giai đoạn 2016 - 2019**

*Đơn vị tính: %*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** |
| **Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi** | **2,30** | **2,24** | **2,19** | **2,16** |
| * *Khu vực thành thị*
 | *3,18* | *3,18* | *3,1* | *3,10* |
| * *Khu vực nông thôn*
 | *1,86* | *1,78* | *1,7* | *1,65* |
| **Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên *(từ 15-24 tuổi)*** | **7,34** | **7,51** | **7,06** | **6,39** |
| * *Khu vực thành thị*
 | *11,30* | *11,75* | *10,56* | *10,24* |
| * *Khu vực nông thôn*
 | *5,74* | *5,87* | *5,73* | *4,83* |
| **Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức ngoài hộ nông, lâm nghiệp, thủy sản** | **55,9** | **57,2** | **56,2** | **54,6** |
| * *Khu vực thành thị*
 | *47,0* | *48,8* | *48,1* | *46,3* |
| * *Khu vực nông thôn*
 | *64,1* | *64,5* | *62,9* | *61,7* |

*Nguồn*: Tổng cục Thống kê. *Niên giám thống kê 2018*. Hà Nội 2019.

 Tổng cục Thống kê. *Số liệu thống kê chủ yếu 2019*. Hà Nội 2019.

Những con số này cho thấy, mặc dù Luật BHXH 2014 đã mở ra cơ hội cho tất cả mọi người đều có thể tham gia BHXH, nhưng những nhóm đối tượng cần tập trung quan tâm như lao động trẻ, lao động khu vực phi chính thức chiếm tỷ trọng lớn trong lực lượng lao động lại rất hạn chế về khả năng tài chính để tham gia BHXH nếu không có sự hỗ trợ họ trong đóng góp.

### 1.3. Về những thay đổi trong pháp luật lao động có liên quan

Phạm vi điều chỉnh của Luật BHXH 2014 đã thu hẹp khi Luật Việc làm 2013 điều chỉnh chế độ bảo hiểm thất nghiệp và Luật An toàn vệ sinh lao động 2015 điều chỉnh các chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.Bên cạnh đó Luật Bảo hiểm y tế 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế 2008 đã có một bước ngoặt quan trọng khi quy định “Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm bắt buộc”[[2]](#footnote-2). Đây là một yếu tốt then chốt để phát triển đối tượng tham gia và đạt được một độ bao phủ ước tính 89,8%[[3]](#footnote-3) dân số vào năm 2019 trên cơ sở mở rộng đối tượng do ngân sách nhà nước hỗ trợ và mở rộng phạm vi quyền lợi. Trong khi đó Luật BHXH 2014 vẫn tiếp tục quy định BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện với hai chế độ là hưu trí và tử tuất và không bao gồm các chế độ ngắn hạn như ốm đau và thai sản. Điều này đã tạo nên sự khác biệt lớn giữa BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện mà Luật BHXH 2014 điều chỉnh. Những tác động của sự khác biệt này sẽ được phân tích cụ thể hơn ở các mục bên dưới.

## II. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN GẮN VỚI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI NÓI CHUNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI NÓI RIÊNG

### 2.1. Những thuận lợi

- Hệ thống pháp luật về an sinh xã hội nói chung và BHXH nói riêng khá toàn diện và phù hợp, tương đồng với thông lệ quốc tế, bao gồm các chính sách bảo hiểm xã hội với các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hưu trí và tử tuất; bảo hiểm y tế; và các chế độ trợ giúp xã hội đối với những nhóm yếu thế trong xã hội như trẻ em, người khuyết tật và người cao tuổi.

- Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2014 đảm bảo kinh phí toàn phần hoặc một phần cho các khoản đóng bảo hiểm y tế của các nhóm dễ bị tổn thương, từ đó hỗ trợ hiệu quả về thu hẹp khoảng trống trong diện bao phủ bảo hiểm y tế và nhanh chóng đạt được xấp xỉ 90% dân số. Đây rõ ràng là một thành công lớn và kinh nghiệm để mở rộng diện bao phủ của loại hình bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật bảo hiểm xã hội.

 - Sự phát triển kinh tế và tỷ lệ tăng trưởng ổn định trong suốt giai đoạn 2016 - 2020 đóng một vai trò quan trọng tạo nên cơ sở vững chắc cho việc cải cách chính sách an sinh xã hội trong đó có bảo hiểm xã hội.

- Đảm bảo bình đẳng giới cũng như đảm bảo cân đối quỹ hưu trí và tử tuất. Bộ luật Lao động 2019 đã quy định điều chỉnh tuổi nghỉ hưu chung và thu hẹp khoảng cách thụ hưởng chế độ hưu trí và tử tuất giữa phụ nữ và nam giới từ 5 năm (55 - 60 tuổi) xuống còn 2 năm (60 - 62 tuổi). Đây là cơ sở để sửa đổi và điều chỉnh rất nhiều tham số trong thiết kế các chính sách BHXH nói riêng và an sinh xã hội nói chung.

- Mô hình quản lý và thực hiện chính sách BHXH ở Việt Nam được hình thành, phát triển và hoàn thiện qua một chặng đường dài. Với một mạng lưới rộng khắp ở cả 3 cấp - trung ương, tỉnh/thành phố và huyện/quận là điều kiện tiên quyết để triển khai thành công những sửa đổi, cải cách trong pháp luật về bảo hiểm xã hội.

### 2.2. Những khó khăn, vướng mắc

- Thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa các chính sách an sinh xã hội như giữa các chế độ BHXH với bảo trợ xã hội dẫn đến một hệ thống BHXH “gần như” đơn tầng (chưa có sự gắn kết chặt chẽ với tầng trợ cấp hưu trí xã hội từ nguồn ngân sách Nhà nước và tầng bảo hiểm hưu trí bổ sung theo nguyên tắc thị trường)[[4]](#footnote-4). Hệ quả của điều này là diện bao phủ BHXH vẫn còn thấp ở cả khía cạnh người tham gia và thụ hưởng. Sự thiếu gắn kết này cũng dẫn đến việc thiếu nhất quán và sự manh mún trong sử dụng nguồn ngân sách của Nhà nước nhằm đảm bảo an sinh xã hội đối với người sau độ tuổi nghỉ hưu[[5]](#footnote-5).

- Lực lượng lao động khu vực phi chính thức chiếm tỷ trọng lớn cũng như các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ chiếm hơn 90% tổng số các doanh nghiệp đã ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng đóng góp BHXH của cả người lao động và người sử dụng lao động. Điều này được phản ánh ở hầu hết các báo cáo thực hiện chính sách BHXH thời gian qua của các địa phương trong công tác phát triển đối tượng.

- Tốc độ già hóa dân số nhanh là thách thức lớn nhất đối với các nhà hoạch định chính sách an sinh xã hội nói chung và bảo hiểm xã hội nói riêng. Do tỷ lệ sinh giảm và tuổi thọ trung bình tăng, tỷ lệ phụ thuộc chung về nhân khẩu học của Việt Nam (nghĩa là tỷ số giữa số người trên 15 tuổi và dưới 60 tuổi và số người trong độ tuổi lao động từ 16 đến 59 tuổi) sẽ tăng gấp đôi trong 85 năm tới. Sự thay đổi như vậy đặt ra một vấn đề lớn về quản lý đối với hệ thống BHXH của Việt Nam.

# Phần thứ hai

**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI**

**THI HÀNH LUẬT BHXH 2014**

## I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LUẬT BHXH 2014

### 1.1. Việc ban hành các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BHXH năm 2014

Bảo hiểm xã hội là chính sách có tác động sâu rộng trong đời sống xã hội, vì vậy ngay sau khi Luật BHXH 2014 được Quốc hội thông qua, Chính phủ và các Bộ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hướng dẫn thực hiện các chế độ BHXH bắt buộc (đối với khu vực dân sự và khu vực lực lượng vũ trang); BHXH tự nguyện; bảo hiểm hưu trí bổ sung; giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH; thực hiện chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH cho người lao động tham gia BHXH tự nguyện; việc điều chỉnh lương hưu và điều chỉnh tiền lương, thu nhập tháng đã đóng BHXH định kỳ… (*xem Phụ lục 1 về Danh mục chi tiết của các văn bản quy phạm pháp luật về BHXH*).

Trong quá trình xây dựng, trình ban hành và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mặc dù gặp không ít khó khăn như có những vấn đề mới lần đầu tiên được điều chỉnh ở Việt Nam (bảo hiểm hưu trí bổ sung; BHXH bắt buộc đối với lao động là người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam; hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện…), nhưng nhờ sự phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành, cơ quan liên quan, các văn bản đã được ban hành bảo đảm tiến độ và yêu cầu đặt ra. Cùng với việc xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, công tác báo cáo về tình hình thực hiện bảo hiểm xã hội cũng được thực hiện thường xuyên, đảm bảo chất lượng nhằm chủ động có các biện pháp giải quyết các vấn đề và tâm lý phát sinh của các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật BHXH 2014, điển hình là quy định về BHXH một lần và cách tính lương hưu đối với lao động nữ nghỉ hưu trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2021.

Tại các địa phương, theo trách nhiệm được quy định tại Luật BHXH 2014, chính quyền và các sở, ngành cũng đã ban hành nhiều văn bản về quy chế, kế hoạch phối hợp công tác trong xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, công tác thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền trên địa bàn thuộc thẩm quyền quản lý.

Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Luật BHXH 2014 ở tất cả các cấp đã được ban hành kịp thời, bảo đảm tiến độ và chất lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức triển khai thực hiện Luật BHXH 2014.

### 1.2. Công tác ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ

Ban hành các văn bản về quy trình, thủ tục tham gia BHXH và thụ hưởng các chế độ BHXH đóng vai trò quan trọng trong việc đưa pháp luật bảo hiểm xã hội vào cuộc sống. Ngay sau khi Luật BHXH 2014 có hiệu lực thi hành, BHXH Việt Nam đã rà soát, xây dựng, hoàn thiện quy định về hồ sơ và quy trình thu, chi, giải quyết hưởng các chế độ BHXH cũng như các văn bản triển khai thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời BHXH Việt Nam đã tổng hợp các nội dung vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện chính sách BHXH đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính hướng dẫn. Trước tình hình trục lợi quỹ BHXH, bảo hiểm thất nghiệp có những diễn biến phức tạp và số người hưởng BHXH một lần ngày càng gia tăng, BHXH Việt Nam đã kịp thời ban hành văn bản chỉ đạo BHXH các tỉnh, thành phố tăng cường công tác quản lý và vận động người lao động chuyển sang đóng tiếp BHXH tự nguyện (*xem Phụ lục 2 về Danh mục chi tiết của các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ và quy trình, thủ tục về BHXH*).

### 1.3. Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp

Sự phối hợp công tác giữa các ngành, các cấp và các đối tác xã hội đóng vai trò quan trọng trong triển khai thực hiện có hiệu quả Luật BHXH 2014. Hoạt động phối hợp nổi bật nhất là tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHXH. Sự phối hợp công tác cũng được thể hiện rõ trong công tác thanh tra liên ngành về triển khai thực hiện Luật BHXH 2014.

Tổ chức BHXH đã chủ động xây dựng và ký kết các chương trình, quy chế phối hợp trong tổ chức thực hiện chính sách BHXH với các bộ, ban, ngành như Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Tổng cục Cảnh sát phòng chống tội phạm, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam để các đia phương, đơn vị triển khai thực hiện. Theo báo cáo của BHXH Việt Nam, đến cuối năm 2018, ở Trung ương, BHXH Việt Nam đã ký chương trình phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHXH, bảo hiểm y tế với 24 đơn vị đầu mối thuộc 18 bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (*sau đây gọi chung là cơ quan phối hợp*). BHXH Việt Nam cũng phối hợp với Tổng Công ty Bưu điện tổ chức tuyên truyền, phổ biến chính sách BHXH tự nguyện và phối hợp với 94 đầu mối thuộc 82 cơ quan truyền thông, báo chí xây dựng kế hoạch và phối hợp triển khai các hoạt động tuyên truyền BHXH, bảo hiểm y tế.

Ở địa phương, trên cơ sở nội dung phối hợp khung trong tổ chức thực hiện chính sách BHXH giữa BHXH Việt Nam với các bộ, ban, ngành ở Trung ương, BHXH các địa phương cùng các sở, ban, ngành đã thống nhất để cụ thể hóa các nội dung cũng như hình thức phối hợp trong tổ chức thực hiện BHXH trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tiễn tại mỗi địa phương. Nhìn chung, công tác phối hợp thực hiện chính sách BHXH tại địa phương đã có chuyển biến tích cực cả trong phối hợp quản lý đơn vị sử dụng lao động, người lao động, đôn đốc đóng BHXH, thu nợ cũng như công tác kiểm tra, xác minh đối tượng, điều kiện hưởng chế độ.

Tuy nhiên, công tác phối hợp tại địa phương còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và mong muốn của lãnh đạo các bộ, ngành và BHXH Việt Nam. Tại những địa phương mà lãnh đạo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành quan tâm chỉ đạo sát sao công tác phối hợp thì kết quả công tác thực hiện chính sách BHXH có chuyển biến rõ rệt; ngược lại tại một số địa phương mà lãnh đạo thiếu sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt thì hiệu quả của công tác phối hợp không cao, thậm chí có nơi chỉ mang tính hình thức. Công tác phối hợp tại địa phương chưa có tính ràng buộc pháp lý cao vì chưa có các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về trách nhiệm cụ thể của các sở, ban, ngành trong việc trao đổi thông tin (thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, quản lý lao động, …), phối hợp thanh, kiểm tra, tuyên truyền, giải quyết khiếu nại, tố cáo để nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật BHXH.

## II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ BHXH

Trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH được Luật BHXH 2014 quy định rõ đối với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức công đoàn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và cơ quan BHXH.

### 2.1. Tình hình thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH

Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH luôn được coi là một trong những nội dung quan trọng trong tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước do đó công tác luôn đồng hành với các hoạt động về BHXH, đã và đang góp phần không nhỏ để hỗ trợ, nâng cao nhận thức của người dân trong việc tham gia bảo hiểm xã hội nói chung và bảo hiểm xã hội tự nguyện nói riêng; giúp người lao động và người sử dụng lao động hiểu được chủ trương, chính sách của Nhà nước về công tác bảo hiểm xã hội và việc tổ chức thực hiện của ngành BHXH.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, công tác truyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo hiểm xã hội đã chuyển biến tích cực theo hướng gắn với phát triển đối tượng. Ngày sau khi Luật BHXH 2014 được thông qua, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã biên soạn tài liệu tập huấn về Luật BHXH 2014 và tổ chức tập huấn cho các báo cáo viên của các Bộ, ngành và cho người lao động và người sử dụng lao động tại một số địa phương ở 3 miền Bắc, Trung và Nam. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cũng đã phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan, đoàn thể tổ chức hàng nghìn hội nghị, hội thảo, hội thi về bảo hiểm xã hội, đối thoại trực tiếp với các nhóm đối tượng tại các vùng, miền, các khu công nghiệp và khu dân cư.

Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH thông qua tài liệu phát tay và các ấn phẩm là một trong các hoạt động truyền thông truyền thống đã mang lại hiệu quả tích cực trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và được các cơ quan có liên quan chú trọng thực hiện, cụ thể:

- Tiến hành biên soạn và phát hành nhiều ấn phẩm nguồn đến toàn bộ hơn 11 nghìn xã trên toàn quốc, bao gồm: Sách về những điểm mới của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Sách hỏi đáp về chính sách bảo hiểm xã hội; tờ rơi;

- Bảo hiểm xã hội Việt Nam phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương thực hiện chuyên trang tuyên truyền chính sách BHXH, bảo hiểm y tế trên các số của Tạp chí Báo cáo viên; chuyên trang tuyên truyền chính sách BHXH, bảo hiểm y tế trên các số của bản tin Thông báo nội bộ; chuyên trang tuyên truyền về BHXH, bảo hiểm y tế trên sổ tay Báo cáo viên năm 2017.

Nhận thức được tầm quan trọng và thế mạnh của các cơ quan truyền thông đại chúng, các cơ quan, đơn vị thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH đã chủ động thực hiện các hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng với các hình thức như mở chuyên đề, chuyên trang, tiểu mục giải đáp với bạn đọc những nội dung về chính sách BHXH. Các tổ chức thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt Nam đã lồng ghép nội dung tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH trên các chuyên mục riêng trên đài Truyền hình Việt Nam như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với chuyên mục “Lao động và công đoàn”; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với chuyên mục “Thanh niên lập nghiệp”, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam với chuyên mục “Phụ nữ làm kinh tế giỏi”, Hội Nông dân Việt Nam với chuyên mục “Pháp luật với nhà nông”.

Đặc biệt, Cổng Thông tin điện tử của BHXH Việt Nam đã thể hiện được vai trò là một trong những kênh thông tin chủ lực của ngành BHXH trong tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHXH. Cổng Thông tin điện tử của BHXH Việt Nam đã đăng tải hàng nghìn tin, bài với nội dung tập trung phản ánh các kết quả thực hiện Luật BHXH 2014. Đặc biệt năm 2019, Cổng Thông tin điện tử của BHXH Việt Nam đã xây dựng, vận hành Fanpage BHXH Việt Nam trên Facebook nhằm tăng hiệu quả tuyên truyền, phổ biến chính sách BHXH, bảo hiểm thất nghiệp. Qua đó, góp phần đẩy mạnh công tác truyền thông về chính sách BHXH tới người dân, đặc biệt là lực lượng lao động trẻ.

### 2.2. Những hạn chế, vướng mắc trong tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH

Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH cho cơ quan, tổ chức, các doanh nghiệp, người lao động và người dân ở một số địa phương còn nhiều bất cập, bao gồm:

- Chưa xác định đúng tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về BHXH nên việc triển khai thực hiện chưa đồng bộ, đầu tư nguồn lực con người và tài chính cho công tác này chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong khi hầu hết các địa phương đều báo cáo là đội ngũ tuyên truyền viên về BHXH của họ chưa được tập huấn bài bản về kiến thức và kỹ năng tuyên truyền và nguồn kinh phí dành cho công tác này hoàn toàn dựa vào nguồn ngân sách rất hạn hẹp của địa phương;

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH chưa được tiến hành thường xuyên, nhiều địa phương thường chỉ tập trung tổ chức vào thời điểm Luật BHXH 2014 hoặc văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành, trong khi việc phát triển đối tượng tham gia BHXH cũng như sự dời bỏ hệ thống của người lao động thông qua việc hưởng chế độ BHXH 1 lần xảy ra hàng ngày;

- Đối tượng được tuyên truyền, phổ biến và giáo dục về pháp luật BHXH còn hạn hẹp, mới chỉ tập trung ở các khu đô thị, khu công nghiệp, các doanh nghiệp lớn và khu vực việc làm chính thức; còn rất hạn chế ở các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt ở các làng nghề và khu vực việc làm phi chính thức - những nơi mà việc phát triển đối tượng rất cần được quan tâm.

- Nhận thức về ý nghĩa và lợi ích của việc tham gia BHXH của một bộ phận doanh nghiệp, người lao động và người dân còn rất hạn chế do thiếu hiểu biết về chính sách, pháp luật về BHXH cũng như thiếu niềm tin vào hệ thống.

### 2.3. Các giải pháp để tuyên truyền, phổ biến hiệu quả chính sách, pháp luật về BHXH

- Cần có kế hoạch tổng thể về tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH cho từng giai đoạn và kế hoạch chi tiết cho từng năm trong toàn hệ thống tổ chức BHXH để có thể tận dụng tối đa nguồn kinh phí hạn hẹp của các địa phương và kinh phí từ nguồn quỹ BHXH dành cho công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật.

 - Làm rõ vai trò chủ chốt của BHXH VN trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH để hỗ trợ cơ quan quản lý Nhà nước về BHXH trong việc tạo được sự đồng thuận lớn trong xã hội khi có những điều chỉnh và sửa đổi chính sách về BHXH trong những năm sắp tới, cũng như nâng cao nhận thức của người dân và các bên liên quan về trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia BHXH.

- Tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháo luật về BHXH thông qua việc hình thành một bộ phận (Ban hoặc Phòng) riêng chịu trách nhiệm về quan hệ công chúng/chăm sóc khách hàng mà các công ty/doanh nghiệp bảo hiểm thương mại đều có.

# Phần thứ ba

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT BHXH 2014**

## I. PHÁT TRIỂN ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

Nhằm mở rộng đối tượng tham gia BHXH hướng tới mục tiêu “*phấn đấu đến năm 2020 có khoảng 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội*”[[6]](#footnote-6), Luật BHXH 2014 đã quy định mở rộng đối tượng đối với BHXH bắt buộc đến (i) người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng; (ii) người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; và (iii) người lao động là công dân nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam có giấy phép lao động hoặc chứng chỉ hành nghề hoặc giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; mở rộng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện đối với người trên 60 tuổi đối với nam, trên 55 tuổi dối với nữ; hỗ trợ tiền đóng BHXH cho người tham gia BHXH tự nguyện. Theo quy định của Luật BHXH 2014 thì về mặt chính sách, BHXH cả bắt buộc và BHXH tự nguyện đã bao phủ toàn bộ lực lượng lao động[[7]](#footnote-7).

### 1.1. Tình hình phát triển đối tượng tham gia BHXH

#### a) Về đối tượng tham gia BHXH qua các năm:

Ước tính đến cuối năm 2020, có khoảng 16,05 triệu người tham gia BHXH, chiếm 32,9% lực lượng lao động (LLLĐ) trong độ tuổi. Sau 5 năm thực hiện Luật, số người tham gia BHXH tăng gần 3,76 triệu người (tương ứng với 30,6%) so với cuối năm 2015; tốc độ phát triển đối tượng trung bình hằng năm là 5,5%; trong đó:

- Số người tham gia BHXH bắt buộc là 15,03 triệu người, chiếm 30,8% LLLĐ trong độ tuổi, tăng gần 3 triệu người (tương ứng 24,5%) so với cuối năm 2015; tốc độ phát triển đối tượng trung bình hằng năm là 4,5%;

- Số người tham gia BHXH tự nguyện là 1,01 triệu người, chiếm 2,1% LLLĐ trong độ tuổi, tăng gần 800 nghìn người (tương ứng với 4,6 lần) so với cuối năm 2015; tốc độ phát triển đối tượng trung bình hằng năm là 36%.

*(Chi tiết tại Phụ lục III)*

Giai đoạn 2016 - 2020, đối tượng tham gia BHXH chung đều tăng qua các năm, nhưng có một số năm có sự tăng hoặc giảm đột xuất do sự điều chỉnh chính sách, điều chỉnh phương thức thực hiện hoặc do yếu tố khách quan, cụ thể như sau:

- Năm 2016, đối tượng tham gia BHXH tự nguyện giảm 6,3% so với năm trước do có sự điều chỉnh về chính sách nên nhóm đối tượng là người làm việc không chuyên trách ở cấp xã chuyển từ tham gia BHXH tự nguyện sang tham gia BHXH bắt buộc[[8]](#footnote-8).

- Năm 2019 và năm 2020, số đối tượng tham gia BHXH tự nguyện tăng đột biến (gần gấp đôi so với năm trước liền kề) do có sự thay đổi về chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH cho người tham gia BHXH tự nguyện[[9]](#footnote-9) và đổi mới phương thức triển khai thực hiện[[10]](#footnote-10).

- Năm 2020, số người tham gia BHXH bắt buộc lần đầu tiên giảm so với năm trước liền kề (giảm 1,1%) kể từ khi thực hiện chính sách này theo nguyên tắc đóng - hưởng (từ năm 1995). Nguyên nhân là do đại dịch Covid-19 ảnh hưởng tới tình hình sản xuất, kinh doanh của một số doanh nghiệp dẫn đến tình trạng thiếu việc làm và thất nghiệp cục bộ trên toàn quốc.

#### b) Tình hình tham gia BHXH của một số nhóm đối tượng

- Nhóm mới được bổ sung vào Luật BHXH:

Luật BHXH năm 2014 bổ sung quy định tham gia BHXH bắt buộc đối với 03 nhóm đối tượng, bao gồm (i) Người làm việc theo hợp đồng lao động từ 01 đến dưới 03 tháng; (ii) Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; (iii) Lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam. Kết quản tham gia cụ thể như sau:

+ Người làm việc theo hợp đồng lao động từ 01 đến dưới 03 tháng:

Tính đến cuối năm 2019, có 13.533 người tham gia BHXH theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 đến dưới 03 tháng. Con số này chỉ chiếm khoảng 0,1% số người tham gia BHXH bắt buộc. Như vậy, có thể đánh giá rằng việc quy định mở rộng diện tham gia BHXH bắt buộc sang nhóm đối tượng này không được như kỳ vọng.

+ Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn:

Số người tham gia BHXH bắt buộc là cán bộ không chuyên trách cấp xã giai đoạn 2017 - 2020 lần lượt là: 137.131; 132.601; 129.155 và 116.403. Con số này giảm qua mỗi năm là do chính sách tinh giản biên chế. Tuy nhiên, mức trung bình cũng chỉ chiếm khoảng 0,9% tổng số người tham gia BHXH bắt buộc. Một bộ phận những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (khoảng 40 nghìn người) chuyển từ tham gia BHXH tự nguyện sang tham gia BHXH bắt buộc nên số tăng mới thực sự chỉ khoảng 80 nghìn người.

Bên cạnh đó, một số địa phương cho rằng việc quy định nhóm này tham gia BHXH bắt buộc ở 02 chế độ với mức đóng bằng 01 lần mức lương cơ sở là hẹp về quyền lợi (thiếu các chế độ ngắn hạn) và thấp về mức hưởng kỳ vọng (so với việc tùy chọn mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng BHXH tự nguyện trong giai đoạn 2008 - 2015).

+ Lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam:

Từ năm 2018, lao động là người nước ngoài thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc với 03 chế độ ngắn hạn là ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; từ năm 2022, tham gia đầy đủ cả 5 chế độ (thêm hưu trí và tử tuất)[[11]](#footnote-11).

Trong 03 năm qua (2018 - 2020), số người nước ngoài tham gia BHXH bắt buộc tăng dần, cụ thể lần lượt là 37.052, 68.178, 69.542 người, chiếm khoảng 70% số người nước ngoài làm việc theo giấy phép tại Việt Nam. Sở dĩ số tham gia không đầy đủ 100% là do hiện mới quy định những đối tượng làm việc theo hợp đồng lao động từ đủ 12 tháng trở lên mới thuộc diện tham gia.

- Một số nhóm đối tượng khác:

+ Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;

Theo báo cáo của Cục Quản lý lao động ngoài nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tính đến cuối năm 2019, tổng số lao động Việt Nam hiện đang làm việc ở nước ngoài lên khoảng 650 nghìn người tại hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, làm việc hơn 30 nhóm lĩnh vực, ngành nghề khác nhau. Tuy nhiên, theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mới chỉ là gần 9 nghìn người, bằng khoảng 1,4% tổng số người đang làm việc ở nước ngoài *(Chi tiết tại Phụ lục V)*.

Số liệu cho thấy, tốc độ tăng số người lao động đi làm việc ở nước ngoài tham gia BHXH bắt buộc giai đoạn 2015 - 2019 bình quân là khoảng 27%/năm; đây là một tốc độ tăng khá cao. Tuy nhiên, tỷ lệ người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài tham gia BHXH bắt buộc nhìn chung còn thấp hơn nhiều so với tiềm năng cũng như chưa đáp ứng được yêu cầu của Luật Bảo hiểm xã hội là đối tượng này thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc.

+ Chủ hộ kinh doanh cá thể;

+ Người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương;

+ Người tham gia trong nền kinh tế chia sẻ phát sinh các quan hệ lao động mới không có hợp đồng lao động (Grab).

#### c) Tác động của chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội đối với công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

Lần đầu tiên chúng ta áp dụng chính sách hỗ trợ đóng BHXH đối với những người tham gia BHXH tự nguyện. Kết quả báo cáo của các địa phương cũng như số liệu của BHXH Việt Nam cho thấy số lượng người tham gia BHXH tự nguyện đã gia tăng rõ rệt từ 0,4% lực lượng lao động trong độ tuổi vào năm 2016 đã lên đến 2,1% vào năm 2020 (Phụ lục III). Năm 2018, Ngân sách Nhà nước đã chuyển 27.604.333.415 đồng trong tổng số 41.987.160.448 đồng (*chiếm 66%*) phải hỗ trợ cho các địa phương. Sáu tháng đầu năm 2019, Ngân sách Nhà nước cũng đã chuyển 28.123.843.257 đồng trong tổng số 34.211.042.723 đồng (*chiếm 82%*) phải hỗ trợ cho các địa phương[[12]](#footnote-12). Bộ Tài chính[[13]](#footnote-13) cho biết không có vướng mắc, khó khăn trong việc xác định số kinh phí để bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017 - 2020.

#### d) Về hưởng BHXH một lần:

Chế độ BHXH một lần được thực hiện theo quy định tại Điều 60, Điều 77 Luật BHXH và Nghị quyết số 93/2015/QH13 ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Quốc hội.

Trong 5 năm thực hiện Luật BHXH, tổng số người hưởng BHXH một lần là trên 3,7 triệu người; điều này đồng nghĩa với việc trung bình mỗi năm có gần 750 nghìn người tham gia BHXH rời khỏi hệ thống, chiếm trên 5% tổng số người tham gia BHXH. Đây là một con số quá lớn so với nỗ lực phát triển đối tượng BHXH của toàn ngành BHXH. Rất nhiều địa phương cũng phản ánh, công tác phát triển đối tượng gặp nhiều hạn chế do số người tham gia mới không đủ bù đắp cho những người hưởng chế độ BHXH một lần.

Về cơ bản, số người hưởng BHXH một lần năm sau cao hơn năm trước (mức tăng bình quân 6,5%/năm); trong đó số tăng đột biến vào năm 2017 và năm 2018. Điều này cho thấy xu thế này chưa có dấu hiệu dừng lại. *(Chi tiết tại Phụ lục IV)*

Theo kết quả nghiên cứu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) phối hợp thực hiện năm 2018 thì các trường hợp hưởng BHXH một lần thường là những người có số năm đóng BHXH thấp, dưới 15 năm. Việc quy định cho phép hưởng BHXH một lần sẽ không khuyến khích những người lao động tích lũy các khoảng thời gian đóng BHXH để hưởng lương hưu hằng tháng khi hết tuổi lao động. Trợ cấp BHXH một lần có thể đáp ứng nhu cầu tài chính trước mắt của những người được bảo hiểm, nhưng lấy đi của họ sự bảo trợ khi về già với các chế độ hưu trí hàng tháng cùng với bảo hiểm y tế do quỹ bảo hiểm xã hội chi trả và chế độ tử tuất bao gồm cả mai táng phí và trợ cấp tử tuất hàng tháng hoặc một lần. Khi hưởng chế độ BHXH một lần nghĩa là người lao động dời bỏ hệ thống. Mức độ bao phủ của hệ thống BHXH cũng vì thế sẽ bị thu hẹp ở cả khía cạnh số người tham gia và số người thụ hưởng. Từ đó các nỗ lực mở rộng diện bao phủ và phát triển đối tượng tham gia BHXH của các bên liên quan sẽ bị hạn chế và gặp rất nhiều khó khăn.

Tóm lại, các số liệu thống kê và báo cáo cho thấy phát triển đối tượng tham gia BHXH cả bắt buộc và tự nguyện khá chậm và còn khá xa so với mục tiêu đã được đề ra tại các Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng là “*phấn đấu đến năm 2020 có khoảng 50% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội*” và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Cải cách chính sách bảo hiểm xã hội là “*đến năm 2021, phấn đấu đạt khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 1% lực lượng lao động trong độ tuổi;phấn đấu đến năm 2021 có khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội; đến năm 2025, phấn đấu đạt khoảng 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 2,5% lực lượng lao động trong độ tuổi; đến năm 2030, phấn đấu đạt khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội, trong đó nông dân và lao động khu vực phi chính thức tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm khoảng 5% lực lượng lao động trong độ tuổi*”.

#### đ) Tình hình giám sát đánh giá công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH theo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm

Để công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH một cách hiệu quả, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH cho các địa phương. Nghị quyết đã hướng dẫn các nguyên tắc, chỉ tiêu, tiêu chí và phương pháp để các địa phương dựa vào đó xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương mình. Việc giám sát đánh giá công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH chỉ thực sự hiệu quả khi các địa phương và cơ quan BHXH các cấp phối hợp đề ra những chỉ tiêu cụ thể cần đạt được đối với từng nhóm đối tượng trong từng năm. Tuy nhiên hầu hết báo cáo của các địa phương đều không cho thấy những chỉ tiêu này trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương mình.

### 1.2. Những hạn chế, vướng mắc trong công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

Mặc dù có một khung pháp lý về BHXH bao phủ toàn bộ dân số, nhưng công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội vẫn gặp những hạn chế, vướng mắc sau:

- Điều kiện 20 năm đóng BHXH để được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng là khá dài không phù hợp với khả năng tạo và duy trì việc làm của nền kinh tế cho người lao động. Điều kiện để hưởng chế độ hưu trí này cùng với hoàn cảnh kinh tế khó khăn đã khiến nhiều người lao động - phải quan tâm đến những nhu cầu trước mắt - nản lòng trong quá trình theo đuổi đóng góp cho hệ thống BHXH để được hưởng hưu trí trong tương lai khi về già.

- Những nhóm đối tượng được Luật BHXH 2014 bổ sung điều chỉnh là những nhóm luôn biến động, không dễ quản lý. Đặc biệt vấn đề đóng góp tài chính và nhận thức của người sử dụng lao động luôn là yếu tố quyết định sự tham gia của nhóm lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng. Đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam, việc tham gia BHXH bắt buộc (đặc biệt là chế độ hưu trí và tử tuất) phụ thuộc rất nhiều vào các Hiệp định song phương về BHXH giữa Việt Nam và các nước có công dân làm việc tại Việt Nam. Tuy nhiên hiện nay chúng ta mới chỉ đang tiến hành đàm phán với Hàn Quốc, và tổ chức các hoạt động trao đổi, tìm hiểu để hướng tới đàm phán chính thức với Nhật Bản.

- Luật BHXH 2014 chưa điều chỉnh đối với những nhóm đối tượng có khả năng đóng góp để tham gia BHXH bắt buộc, bao gồm: (i) chủ hộ kinh doanh cá thể; (ii) người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương và (iii) những người tham gia trong nền kinh tế chia sẻ phát sinh các quan hệ lao động mới không có hợp đồng lao động (Grab).

- Sự khác biệt lớn trong thụ hưởng các chế độ giữa BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện. Trong khi các rủi ro trước mắt về mất thu nhập như ốm đau, thai sản, nuôi con nhỏ - ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống cá nhân - không được bảo hiểm, lại phải đóng góp và chờ đợi quá lâu để hưởng chế độ hưu trí và tử tuất đã khiến người lao động không mặn mà với BHXH tự nguyện. Vì vậy, mặc dù Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ đóng BHXH đối với người tham gia tự nguyệnnhưng vẫn chưa có tác động lớn đến sự tham gia của người dân.

- Mức độ phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc phụ thuộc rất lớn vào sự tham gia của những người sử dụng lao động. Tuy nhiên, theo số liệu Khảo sát doanh nghiệp năm 2014, các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) chiếm tới 95,9% trong tổng số 415.656 doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa lần lượt chiếm 65,2%; 29,3% và 1,4%. Các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa thường gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất - kinh doanh nên khó có thể thực hiện nghĩa vụ pháp lý về BHXH đối với người lao động của mình.

- Thiếu cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan BHXH trong giám sát công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Một cơ chế phối hợp như vậy sẽ cho phép chia sẻ số liệu về quyết toán thuế của các doanh nghiệp nhằm đảm bảo không có sự chênh lệch giữa số lượng lao động mà doanh nghiệp thực tế có đóng BHXH cho họ và số lượng lao động thực hiện quyết toán thuế. Năm 2018, theo dữ liệu cơ quan Thuế cung cấp, có 204.720 đơn vị, doanh nghiệp không tham gia BHXH, bảo hiểm y tế và còn 256.819 đơn vị, doanh nghiệp chưa tham gia đầy đủ BHXH, bảo hiểm y tế cho người lao động, với số lượng lao động chênh lệch lên trên 3,5 triệu người giữa số liệu cơ quan Thuế cung cấp (khoảng 18 triệu lao động và cá nhân có thu nhập) và số liệu đang quản lý thu của cơ quan BHXH (trên 14,4 triệu người)[[14]](#footnote-14). Còn năm 2019, ước tính có gần 205 nghìn tổ chức, cá nhân có nhưng không tham gia BHXH bắt buộc cho người lao động; gần 257 nghìn tổ chức, cá nhân chưa tham gia đầy đủ cho người lao động, với số lao động chênh lệch gần 3 triệu người giữa số liệu cơ quan Thuế cung cấp (khoảng 18 triệu lao động và cá nhân có thu nhập) và số liệu đang quản lý thu của cơ quan BHXH (gần 15,2 triệu người).

### 1.3. Các giải pháp để phát triển hiệu quả đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

Bên cạnh tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và những giải pháp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến cũng như thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BHXH, những khía cạnh pháp lý sau đây cần được xem xét, bổ sung:

- Trên 10 năm đóng BHXH là một khoảng thời gian rất cần được quan tâm ở Việt Nam hiện nay vì liên quan đến quyền hưởng hưu trí của người lao động cũng như liên quan đến chiến lược mở rộng diện bao phủ BHXH hướng tới BHXH toàn dân. 10 năm là khoảng thời gian mà ở nhiều quốc gia khác được coi là đủ điều kiện để hưởng chế độ hưu trí khi họ đến tuổi nghỉ hưu theo luật định với mức hưởng có thể thấp. Công ước về An sinh xã hội (các tiêu chuẩn tối thiểu) năm 1952 (No. 102) và Công ước về các chế độ Mất sức lao động, Hưu trí và Tử tuất, năm 1967 (No. 128) của Tổ chức Lao động Quốc tế nêu rõ một tỷ lệ hưởng hưu trí được giảm bớt đối với những người lao động có 15 năm hoặc 10 năm đóng góp hoặc làm việc.

- Đưa những nhóm (i) chủ hộ kinh doanh cá thể; (ii) người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương và (iii) những người tham gia trong nền kinh tế chia sẻ phát sinh các quan hệ lao động mới không có hợp đồng lao động (Grab) vào đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

- Sự hỗ trợ đóng BHXH của Nhà nước đối với người tham gia BHXH tự nguyện sẽ giảm bớt sự khác biệt giữa BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện cũng như tăng sức hấp dẫn của chính sách BHXH dành cho nhóm đối tượng không có quan hệ lao động. Tuy nhiên việc hỗ trợ kết hợp với mở rộng các chế độ thai sản, nuôi con nhỏ trong BHXH tự nguyện cần được xem xét để đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Gắn kết chặt chẽ các chính sách BHXH với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để có thể duy trì khả năng và năng lực đóng BHXH cho người lao động của họ.

- Thể chế hóa cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan BHXH trong giám sát công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

## II. CÔNG TÁC THU BHXH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

### 2.1. Tình hình thu BHXH

Thu BHXH là một nội dung quan trọng trong thực hiện Luật BHXH 2014 nhằm đảm bảo sự ổn định của quỹ BHXH và chi trả kịp thời các chế độ cho những người tham gia khi gặp rủi ro. Ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiệp vụ thu BHXH đã góp phần tạo nên hiệu quả cao trong công tác thu BHXH. Số thu BHXH trên cả nước luôn tăng cao, năm sau cao hơn năm trước và luôn vượt kế hoạch được đặt ra (Biểu 5).

**Biểu 5: Tình hình thu BHXH giai đoạn 2016 - 2019**

*Đơn vị tính: người, đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Tiêu chí** | **BHXH bắt buộc** | **BHXH tự nguyện** |
| **2016** |  Số người tham gia | 12,851,833  | 203,871 |
|  *Lương bình quân (đồng)* | *4,298,809* | *2,087,444* |
|  **Số thu *(triệu đồng)*** | **174,503,423** | **1,107,956** |
| **2017** |  Số người tham gia | 13,596,146 | 224,243 |
|  *Lương bình quân (đồng)* | *4,595,788* | *2,009,684* |
|  **Số thu *(triệu đồng)*** | **195,198,704** | **1,194,389** |
| **2018** |  Số người tham gia | 14,455,069 | 277,190 |
|  *Lương bình quân (đồng)* | *5,097,535* | *1,778,674* |
|  **Số thu *(triệu đồng)*** |  **221,796,093**  |  **1,287,561**  |
| **2019** |  Số người tham gia | 15,199,985 | 573,943 |
|  *Lương bình quân (đồng)* | *5,362,631* | *1,689,740* |
|  **Số thu *(triệu đồng)*** |  **242,982,330**  | **2,378,899** |

*Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

#### 2.1.1. Tiền lương đóng BHXH:

Công tác thu BHXH đạt hiệu quả cao phụ thuộc rất lớn vào mức tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH. Mức độ gia tăng tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH giữa các loại hình doanh nghiệp khá khác nhau (Biểu 6).

Có sự gia tăng cao trong mức tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH năm 2016 là do Luật BHXH 2014 quy định đối với người lao động đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định thì tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương và phụ cấp lương theo quy định của pháp luật lao động. Sau năm 2016, nức tiền lương làm căn cứ đóng tăng không đáng kể, chỉ tăng theo sự điều chỉnh mức tăng tiền lương tối thiểu vùng hàng năm. Điều này cho thấy việc tăng trong thu BHXH hằng năm không thể hiện được mối liên kết với công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH và không thể sử dụng mức tăng trong thu BHXH như là một chỉ tiêu của phát triển đối tượng tham gia BHXH.

**Biểu 6: Tình hình gia tăng tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH giai đoạn 2016-2019**

*Đơn vị tính: %*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình doanh nghiệp** | **2016\*** | **2017** | **2018** | **2019** |
| 1. Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần
 | 17,48 | 30,73 | 5,97 | 5,22 |
| 1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài
 | 20,31 | 3,28 | 5,98 | 5,10 |
| 1. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh
 | 17,57 | 5,93 | 5,93 | 6,37 |

*Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

*Lưu ý:* (\*) So với năm 2015

Theo phản ánh của các địa phương, mặc dù Luật BHXH 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật đã hướng dẫn chi tiết mức tiền lương tháng làm căn cứ đóng BHXH nhưng ở một số doanh nghiệp vẫn tồn tại 3 loại thu nhập, bao gồm: (i) thu nhập để làm căn cứ đóng BHXH, (ii) thu nhập để doanh nghiệp thực hiện quyết toán, và (iii) thu nhập thực tế chi trả cho người lao động. Thu nhập để làm căn cứ đóng BHXH luôn ở mức thấp nhất (*bằng mức lương tối thiểu vùng, cộng 7% đối với lao động đã qua đào tạo nghề và cộng thêm 5% hoặc 7% đối với lao động làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm*). Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến mức hưởng các chế độ BHXH, đặc biệt là mức hưởng lương hưu khi về già.

#### 2.1.2. Nợ đóng BHXH:

Công tác thu BHXH cũng phải đối mặt với tình trạng trốn đóng, chậm đóng và nợ đóng BHXH xảy ra phổ biến ở hầu hết các tỉnh/thành phố. Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, tính đến hết năm 2019, số doanh nghiệp nợ đóng BHXH là 175.004 đơn vị với tổng số lao động là 3.406.520 người; số tiền nợ BHXH phải tính lãi của doanh nghiệp là 5.380 tỷ đồng (Chi tiết xem Biểu 7). Điều đáng lưu ý là nhiều trong số các doanh nghiệp nợ tiền đóng BHXH có chủ sở hữu là người nước ngoài bỏ trốn khỏi Việt Nam, dẫn đến tình trạng rất khó xử lý để thu hồi nợ.

**Biểu 7: Tình hình chậm đóng, nợ đóng BHXH bắt buộc**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Loại hình** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** |
| 1 | Hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang | 259 | 230 | 190 |
| 2 | Xã, phường, thị trấn | 36 | 28 | 25 |
| 3 | Ngoài công lập | 36 | 31 | 32 |
| 4 | Doanh nghiệp Nhà nước | 837 | 751 | 686 |
| 5 | DN có vốn Nhà nước | 796 | 680 | 702 |
| 6 | Doanh nghiệp ngoài quốc doanh | 3.712 | 3.583 | 3.699 |
| 7 | Lao động có thời hạn ở nước ngoài |  | 0 | 4 |
| 8 | Cán bộ không chuyên trách cấp xã |  | 0 | 5 |
| 10 | Hợp tác xã | 51 | 34 | 26 |
| 11 | Hội nghề nghiệp, tổ hợp tác | 12 | 13 | 10 |

*Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Để giải quyết tình trạng nợ đóng BHXH, ngành BHXH đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp để thu hồi nợ, bao gồm:

- Đôn đốc các đơn vị SDLĐ ngay khi đơn vị có dấu hiệu chậm đóng; công khai danh sách các doanh nghiệp nợ BHXH trên các phương tiện thông tin đại chúng từ Trung ương đến địa phương.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch, thanh tra đột xuất nhằm phát hiện kịp thời tình trạng trốn đóng và cương quyết xử phạt hành vi trốn đóng, nợ đóng BHXH.

- Chia sẻ thông tin về nợ đóng BHXH của doanh nghiệp với cơ quan Thuế và đề nghị cơ quan Thuế, cơ quan thanh tra địa phương phối hợp thực hiện các cuộc thanh tra liên ngành. Từ năm 2019, thực hiện quản lý thanh tra chuyên ngành đóng bằng phần mềm, tự động cảnh báo, ban hành quyết định thanh tra đột xuất đối với những đơn vị nợ đóng BHXH.

- Chuyển hồ sơ những đơn vị không thực hiện Quyết định, Kết luận thanh tra đến cơ quan Công an để kiến nghị điều tra, khởi tố theo quy định của Bộ luật Hình sự (đã chuyển 14 hồ sơ các đơn vị trốn đóng BHXH sang cơ quan Công an để xử lý theo quy định của pháp luật).

### 2.2. Những hạn chế, vướng mắc trong công tác thu bảo hiểm xã hội

- Ý thức chấp hành pháp luật của một số chủ sử dụng lao động chưa nghiêm, nhất là khu vực ngoài nhà nước. Nhiều doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa có tổ chức công đoàn hoặc tổ chức công đoàn ở đó chưa đấu tranh mạnh mẽ với người sử dụng lao động để thực hiện vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động.

- Người lao động cần biết cụ thể và rõ ràng về tình hình người sử dụng lao động đóng BHXH cho mình. Tuy nhiên thông tin về tình hình đóng BHXH không được cập nhật thường xuyên do đó người lao động không thể phản ánh kịp thời với các cơ quan chức năng để xử lý mà chỉ đến khi người lao động đề nghị hưởng chế độ BHXH do rủi ro mất thu nhập hoặc mất việc làm, tình trạng này mới được phát hiện.

- Các thủ tục xử lý vấn đề nợ đọng BHXH còn nhiều bất cập, ví dụ mặc dù đã có Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-LĐTBXH-BTC-NHNN ngày 18 tháng 2 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước, nhưng các ngân hàng vẫn chưa thực hiện việc trích tiền từ tài khoản của doanh nghiệp nợ BHXH chuyển cho cơ quan BHXH.

- Theo Luật BHXH 2014, tổ chức công đoàn có quyền khởi kiện ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về BHXH gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động, trong đó có vấn đề nợ BHXH. Tuy nhiên, do những bất cập trong quy trình tố tụng nên việc khởi kiện của tổ chức công đoàn gặp nhiều hạn chế.

### 2.3 Các giải pháp để thu hiệu quả các khoản đóng bảo hiểm xã hội

Những khía cạnh pháp lý sau đây cần được xem xét, bổ sung:

- Trên cơ sở quy định về hiện đại hóa quản lý BHXH và trách nhiệm của cơ quan BHXH về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý BHXH cần có quy định rõ trách nhiệm của cơ quan BHXH và của người sử dụng lao động trong cập nhật hàng quý thông tin đóng BHXH cho người lao động.

- Quy định rõ các thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong xử lý vấn đề nợ đọng BHXH.

- Xem xét và hoàn thiện quy trình tố tụng việc khởi kiện ra Tòa án của tổ chức công đoàn đối với hành vi vi phạm pháp luật về BHXH gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động, trong đó có vấn đề nợ BHXH.

## III. GIẢI QUYẾT VÀ CHI TRẢ CÁC CHẾ ĐỘ BHXH GIAI ĐOẠN 2016-2019

### 3.1. Tình hình giải quyết và chi trả các chế độ

Nhìn chung tình hình giải quyết và chi trả chế độ BHXH cho người thụ hưởng được đảm bảo đúng thời gian và mức hưởng, tạo được sự yên tâm đối với người lao động.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, việc chi trả lương hưu và trợ cấp BHXH hằng tháng được cơ quan BHXH các tỉnh/thành phố tăng cường thực hiện thông qua hệ thống bưu điện và theo lộ trình nhằm đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với năng lực và đặc điểm của từng địa phương. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác chi trả chế độ hàng tháng thông qua phát hành thẻ ATM được các địa phương triển khai áp dụng đã góp phần nâng cao chất lượng chi trả, như giảm bớt thủ tục hành chính và giảm sử dụng tiền mặt trong công tác chi trả.

Đối với các chế độ ngắn hạn như ốm đau, thai sản do được mở rộng hơn so với Luật BHXH 2006 nên đã góp phần đảm bảo tốt hơn sức khỏe và thu nhập đối với những người thụ hưởng, đặc biệt là đối với các bà mẹ và trẻ sơ sinh trong thời gian nghỉ ốm và thai sản.

Quy trình, thủ tục hưởng các chế độ BHXH được ban hành kịp thời theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính và luôn được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với hoàn cảnh của các địa phương và đáp ứng yêu cầu của người thụ hưởng đã giúp cho việc thanh toán các chế độ được thuận lợi, dễ dàng. Kết quả giải quyết các chế độ ốm đau, thai sản, hưu trí và tử tuất giai đoạn 2016-2019 được trình bày chi tiết trong Phụ lục 3 bên dưới.

### 3.2. Những hạn chế, vướng mắc trong công tác giải quyết và chi trả chế độ bảo hiểm xã hội

- Tình hình trục lợi các chế độ bảo hiểm xã hội đã và vẫn tiếp tục là một thách thức đối với cơ quan BHXH các cấp và xảy ra dưới nhiều hình thức tinh vi, phức tạp, bao gồm:

(i) Làm giả hoặc mua hồ sơ, chứng từ liên quan đến hưởng các chế độ BHXH; Đặc biệt một số cơ sở khám chữa bệnh buông lỏng việc cấp các loại giấy tờ liên quan đến hưởng các chế độ ốm đau, thai sản;

(ii) Các doanh nghiệp tận dụng triệt để việc sử dụng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ với mức tối đa đối với người lao động của mình sau khi hưởng các chế độ BHXH mặc dù trên thực tế người lao động vẫn đi làm vừa hưởng tiền lương tại doanh nghiệp vừa hưởng chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khoẻ do quỹ BHXH chi trả;

(iii) Tham gia hoặc gửi đóng BHXH trong khoảng thời gian được quy định là điều kiện để hưởng các chế độ ngắn hạn và đóng ở mức cao bất thường để hưởng chế độ BHXH cao, sau đó sẽ dừng đóng.

- Tỷ lệ chi trả chế độ hưu trí và trợ cấp BHXH hàng tháng qua tài khoản ngân hàng vẫn còn thấp. Đến hết năm 2019, trên toàn quốc chỉ có khoảng 19% số người hưởng các chế độ BHXH và khoảng 40% người hưởng trợ cấp thất nghiệp được nhận chế độ qua tài khoản ATM với số tiền chi các chế độ BHXH chiếm khoảng 25% tổng số tiền chi trả; chi trả trợ cấp thất nghiệp chiếm khoảng 50% tổng số tiền chi trả[[15]](#footnote-15). Việc chi trả các chế độ ngắn hạn chủ yếu vẫn được thực hiện thông qua người sử dụng lao động. Điều này dẫn đến việc thanh quyết toán quỹ BHXH hàng năm chậm, gây lãng phí cho công tác quản lý do khối lượng hồ sơ giấy tờ lớn.

### 3.3. Các giải pháp để giải quyết và chi trả hiệu quả các chế độ bảo hiểm xã hội

Những khía cạnh pháp lý sau đây cần được xem xét, bổ sung:

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy trình giải quyết chế độ BHXH;

- Quy định cơ chế giám sát, kiểm tra chéo giữa các đơn vị có liên quan trong giải quyết các chế độ BHXH.

## IV. THANH TRA VÀ KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ BHXH GIAI ĐOẠN 2016-2019

### 4.1. Tình hình vi phạm pháp luật BHXH

Tình hìnhvi phạm pháp luật BHXH được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra về thực hiện pháp luật BHXH là khá phổ biến (biểu 8).

**Biểu 8: Các hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra về thực hiện pháp luật BHXH**

*Đơn vị tính: người*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Tổng cộng** |
| 1. Số lao động chưa tham gia hoặc đóng không đủ thời gian | 43.731 | 42.263 | 48.562 | 38.411 | **172.967** |
| 2. Số lao động đóng không đủ mức | 29.645 | 50.734 | 48.689 | 44.688 | **173.756** |

*Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Các hành vi vi phạm đã được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm tra bao gồm:

- *Về đối tượng tham gia*: Không tham gia, tham gia không đúng đối tượng hoặc đăng ký tham gia không đúng thời gian quy định.

- *Về mức đóng*: Đóng không đúng, không đủ mức đóng theo quy định.

- *Về phương thức đóng*: Trốn đóng, chậm đóng BHXH hoặc đã thu, trích nộp tiền đóng BHXH của người lao động nhưng không nộp về cho cơ quan BHXH.

*- Trục lợi các chế độ BHXH*: Báo cáo của các địa phương cho thấy tình hình trục lợi các chế độ BHXH rất đáng báo động. Các hình thức trục lợi rất tinh vi và thường lợi dụng các kẽ hở của pháp luật về BHXH. Những hình thức trục lợi phổ biến bao gồm:

+ Lập hồ sơ giả hoặc làm sai lệch nội dung hồ sơ BHXH để hưởng các chế độ BHXH; Cơ sở y tế cấp Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH không đúng quy định như cấp khống, cấp không đúng thẩm quyền;

+ Gửi đóng BHXH hoặc tăng mức đóng cao để lạm dụng chế độ thai sản;

+ Sử dụng sổ BHXH, làm giả hồ sơ để hưởng chế độ BHXH một lần.

### 4.2. Công tác thanh tra và kiểm tra của ngành LĐ-TBXH

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BHXH đã từng bước được tăng cường trên các phương diện thanh tra đơn vị sử dụng lao động, thanh tra cơ quan thực hiện chính sách, thanh tra tài chính BHXH.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã có nhiều văn bản gửi Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đề nghị đôn đốc, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật BHXH 2014, trong đó tập trung vào các giải pháp mở rộng diện bao phủ BHXH, tăng cường tính tuân thủ pháp luật, hạn chế tình trạng trốn đóng, chậm đóng BHXH. Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện và xử lý các sai phạm trong thực hiện chính sách, pháp luật về BHXH; từng bước góp phần đảm bảo tính tuân thủ, thực thi pháp luật và bảo vệ quyền lợi của người lao động tham gia BHXH.

Năm 2019, Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật BHXH, BHTN, BHYT ở 6 tỉnh tại 6 cơ quan BHXH cấp tỉnh, 21 cơ quan BHXH cấp huyện và 88 doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động. Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã ban hành 350 kiến nghị yêu cầu đối tượng khắc phục sai phạm, thiếu sót; 19 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 2.095 triệu đồng; kiến nghị truy thu số tiền 382 triệu đồng do người sử dụng lao động trích đóng tiền BHXH, BHTN, BHYT không đúng mức quy định. Cũng trong năm 2019, tại các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội công tác thanh tra việc chấp hành pháp luật về BHXH được lồng ghép vào nội dung của các cuộc thanh tra về pháp luật lao động. Kết quả, các địa phương đã thực hiện được 3.253 cuộc thanh tra (tăng 48 cuộc so với năm 2018).

### 4.3. Công tác thanh tra và kiểm tra về quản lý tài chính BHXH

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Luật Bảo hiểm xã hội, trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Tài chính là thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo việc thực hiện quản lý tài chính về BHXH. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2016-2019, Bộ Tài chính vẫn chưa thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với quỹ BHXH. Năm 2019, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2222/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 về kế hoạch thanh tra, kiểm tra tài chính năm 2019 nhưng không có nội dung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quản lý tài chính về BHXH, trong đó có quỹ BHXH[[16]](#footnote-16).

### 4.4. Công tác thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH của cơ quan BHXH

Thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành đóng BHXH, cơ quan BHXH đã góp phần thiết thực bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa hành vi vi phạm của người sử dụng lao động. Hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đóng BHXH của cơ quan BHXH giai đoạn 2016-2019 được thể hiện trong Biểu 9.

**Biểu 9: thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đóng BHXH giai đoạn 2016-2019**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Tổng cộng** |
| **1. Số cuộc thanh tra, kiểm tra** | **10.046** | **8.761** | **16.083** | **18.954** | **53.844** |
| **2. Số đơn vị thanh tra, kiểm tra,** *trong đó:* | **18.732** | **19.402** | **25.343** | **28.336** | **91.813** |
| * Kiểm tra nội bộ
 | 443 | 385 | 455 | 1.759 | **3.042** |
| * Kiểm tra đơn vị sử dụng lao động
 | 7.552 | 6,427 | 7.940 | 7.900 | **29.819** |
| * Kiểm tra cơ sở khám chữa bệnh
 | 876 | 752 | 702 | 592 | **2,922** |
| * Kiểm tra đại lý thu, đại diện chi trả
 | 3.780 | 2.491 | 2.038 | 2.265 | **10.574** |
| * Thanh tra chuyên ngành
 | 1.174 | 4.006 | 8.447 | 9.886 | **23.513** |
| * Phối hợp liên ngành
 | 4.907 | 5.341 | 5.761 | 5.934 | **21.943** |

*Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Theo số liệu báo cáo của BHXH Việt Nam, năm 2015 khi chưa có chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, BHTN, BHYT thì số nợ đóng BHXH là 7.780,6 triệu đồng, tương ứng với 3,74% số phải thu theo kế hoạch được Chính phủ giao. Đến khi được giao chức năng thanh tra chuyên ngành về đóng BHXH, số nợ đóng BHXH phải tính lãi đã giảm dần với 3,22% vào năm 2016; 3,06% vài năm 2017; 1,7% vào năm 2018; và 1,6% vào năm 2019 so với số phải thu theo kế hoạch được Chính phủ giao. Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về đóng BHXH được thể hiện trong Biểu 10.

**Biểu 10: Kết quả của công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về đóng BHXH giai đoạn 2016-2019**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Tổng cộng** |
| 1. Số lao động chưa tham gia, đóng thiếu thời gian *(người)* | 43,731 | 42,263 | 48,562 | 38,411 | **172,967** |
| 2. Số tiền truy đóng do chưa tham gia, đóng thiếu thời gian *(triệu đồng)* | 23,925 | 88,163 | 140,769 | 244,359 | **497,216** |
| 3. Số lao động đóng không đủ mức *(người)* | 29,645 | 50,734 | 48,689 | 44,688 | **173,756** |
| 4. Số tiền truy đóng do đóng không đủ mức *(triệu đồng)* | 10,688 | 47,349 | 54,987 | 126,344 | **239,368** |
| 5. Số nợ yêu cầu truy nộp *(triệu đồng)* | 194,061 | 2,776,267 | 3,815,230 | 3,251,806 | **10,037,364** |
|  *Trong đó đã nộp* |   | *1,463,957* | *2,121,369* | *2,295,346* | ***5,880,672*** |
| 6. Số tiền phải thu hồi về quỹ BHXH *(triệu đồng)* | 8,316 | 9,628 | 12,104 | 13,712 | **43,760** |
| 7. Số tiền yêu cầu tiếp tục rà soát *(triệu đồng)* | 224,011 | 207,034 | 222,793 | 92,315 | **746,153** |

*Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

### 4.4. Những hạn chế, vướng mắc trong công tác thanh tra và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BHXH

Tính cưỡng chế sau thanh tra của ngành LĐ-TBXH nói chung và chuyên ngành về đóng BHXH nói riêng còn thấp. Tình trạng vi phạm pháp luật về trốn đóng BHXH, BHYT bắt buộc sau thanh tra, kiểm tra chưa được khắc phục triệt để. Tình trạng doanh nghiệp sau khi thanh tra có kết luận và đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng doanh nghiệp cố tình không chấp hành, kể cả không nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước dẫn đến tình trạng “nhờn luật”. Năm 2018, tỷ lệ chấp hành hình phạt sau thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội chỉ đạt dưới 30%.

### 4.5. Các giải pháp tăng cường hiệu quả công tác thanh tra và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội

- Quy định thời gian tối đa phải chấp hành hình phạt sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thanh tra.

- Quy định mức phạt bổ sung khi không chấp hành hình phạt sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thanh tra.

## V. QUẢN LÝ QUỸ BHXH

### 5.1. Công tác đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội

Căn cứ quy định của Luật BHXH 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 30/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2016 quy định chi tiết hoạt động đầu tư từ quỹ BHXH, BHYT, BHTN trong đó quy định cụ thể về nguyên tắc, các hình thức, việc xây dựng các phương án, phương thức và giao trách nhiệm cho Hội đồng quản lý BHXH thông qua phương án đầu tư và giao cho cơ quan BHXH trực tiếp thực việc đầu tư cụ thể theo quy định của pháp luật.

Kết quả thực hiện đầu tư Quỹ BHXH giai đoạn 2016-2019 tại thời điểm 31 tháng 12 hằng năm được thể hiện trong Biểu 11.

**Biểu 11: Kết quả đầu tư kết dư quỹ BHXH giai đoạn 2016-2019**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | Số dư đầu tư đến cuối năm | Số lãi thu được trong năm | Lãi suất đầu tư bình quân*(%)* | Tỷ lệ lạm phát trong năm*(%)* | Chênh lệch*(%)* |
| Số tiền*(tỷ đồng)* | So với năm trước | Số tiền*(tỷ đồng)* | So với năm trước |
| Số tiền *(tỷ đồng)* | Tỷ lệ*(%)* | Số tiền *(tỷ đồng)* | Tỷ lệ*(%)* |
| 2016 | 500.258 |  |  | 33.531 |  |  | 7,90 | 4,74 | 2,33 |
| 2017 | 609.069 | 108.811 | 121,8 | 38.186 | 4.655 | 113,9 | 7,25 | 3,7 | 3,55 |
| 2018 | 728.085 | 119.015 | 119,5 | 41.978 | 3.787 | 109,9 | 6,40 | 3,54 | 2,86 |
| 2019 (*ước tính*) | 813.663 | 85.578 | 111,7 | 46.570 | 4.593 | 110,9 | 5,80 | 2,79 | 3,01 |

*Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

*\* Ghi chú: Lãi dự kiến thu được năm 2019 chưa bao gồm lãi phát sinh trên các tài khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng và không kỳ hạn.*

Từ năm 2016, cơ cấu đầu tư của quỹ BHXH có sự thay đổi so với giai đoạn trước, chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ lệ đầu tư trái phiếu Chính phủ, giảm dần tỷ lệ đầu tư vào các Ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản vay của Ngân sách Nhà nước được chuyển đổi thành trái phiếu Chính phủ. Bắt đầu từ năm 2017, BHXH Việt Nam thực hiện đầu tư trái phiếu Chính phủ thông qua hình thức tham gia đấu thầu trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội, điều này giúp nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư quỹ và góp phần phát triển thị trường vốn tại Việt Nam; tạo sự minh bạch trong quản lý nợ công và phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ. Tỷ lệ đầu tư vào danh mục trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2019 duy trì ở mức trên 80% số dư tại thời điểm 31 tháng 12 hằng năm. Cơ cấu đầu tư các quỹ bảo hiểm tại thời điểm 31 tháng 12 hằng năm giai đoạn 2016-2019 được thể hiện trong Biểu 12.

**Biểu 12: Cơ cấu đầu tư kết dư quỹ BHXH giai đoạn 2016-2019**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Mua trái phiếu CP** (%) | **Cho Ngân hàng TMNN vay (cũ)** (%) | **Thủy điện Lai Châu** (%) | **Gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại Ngân hàng TM** (%) | **Tổng cộng** (%) |
| **2016** | 83,9 | 0,2 | 0,5 | 15,4 | 100 |
| **2017** | 81,8 | 0,1 | - | 18,1 | 100 |
| **2018** | 85,3 | 0,1 | - | 14,6 | 100 |
| **2019**  *(ước tính)* | 86,5 | 0,1 | - |  13,4 | 100 |

*Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

- Về số dư đầu tư: Hàng năm BHXH Việt Nam đều ưu tiên tập trung vào mua TPCP,

Tỷ lệ đầu tư quỹ BHXH vào các Ngân hàng thương mại được duy trì ở mức thấp, tuy nhiên hình thức đầu tư vào các ngân hàng này được mở rộng hơn, bao gồm gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư đầu tư vào các Ngân hàng thương mại ước đạt 110.269,3 tỷ đồng, chiếm 13,5% tổng số dư đầu tư quỹ. Trong đó, gửi tiền 11,8%, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi ngân hàng chiếm 1,6%, cho vay (cũ) chiếm 0,1% tổng số dư đầu tư quỹ. Số đầu mối gửi tiền tại các ngân hàng thương mại tính đến thời điểm 31 tháng 12 hằng năm, giai đoạn từ 2016-2019 được thể hiện trong Biểu 13.

**Biểu 13: đầu mối gửi tiền tại các ngân hàng thương mại giai đoạn 2016-2019**

*Đơn vị tính: đầu mối*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên ngân hàng** | **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** |
| 1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam  | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam  | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 3. Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 4. Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 5. Ngân hàng Chính sách xã hội | 1 | 0 | 0 | 0 |
| 6. Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội | 1 | 1 | 1 | 1 |
| **Tổng cộng** | **6** | **5** | **5** | **5** |

 *Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

### 5.2. Công tác đánh giá tài chính Quỹ bảo hiểm xã hội

Đánh giá tài chính quỹ BHXH đóng một vai trò quan trọng khi có bất kỳ sự thay đổi nào về các chế độ, về mức đóng để đủ chi trả cho chế độ ban hành hoặc được sửa đổi. Đánh giá tài chính quỹ BHXH cần được thực hiện định kỳ 3 hoặc 5 năm một lần nhằm đảm bảo hệ thống được vận hành trên nền tảng tài chính vững chắc, đặc biệt khi có những thay đổi lớn về mặt chính sách, pháp luật. Mặc dù Luật BHXH 2014 đã quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính, Hội đồng quản lý BHXH và BHXH Việt Nam trong quản lý và sử dụng các quỹ BHXH nhưng lại không đề cập đến trách nhiệm thực hiện đánh giá định kỳ tình trạng tài chính của quỹ BHXH. Trong tất cả những lần sửa đổi pháp luật BHXH trước đây và hiện nay, việc đánh giá tài chính quỹ BHXH hoàn toàn dựa vào sự hỗ trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế lớn như ILO và WB.

### 5.3. Những hạn chế, vướng mắc trong công tác đầu tư và đánh giá tài chính Quỹ bảo hiểm xã hội

Sau 4 năm thực hiện Luật BHXH 2014, hoạt động đầu tư quỹ đã có nhiều chuyển biến tích cực. Tuy vậy, trong quá trình triển khai còn một số vướng mắc sau:

- Ngân hàng Nhà nước chưa đưa ra được các tiêu chí để đánh giá tình trạng của ngân hàng “có chất lương hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” mà chỉ cung cấp danh sách các Ngân hàng thương mại hoạt động lành mạnh và an toàn, ổn định;

- Trong giai đoạn 2016-2019, danh mục đầu tư quỹ BHXH không đa dạng, chủ yếu tập trung đầu tư mua trái phiếu Chính phủ và thực hiện gửi tiền, mua trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi của các Ngân hàng thương mại theo danh sách mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp và được Hội đồng quản lý BHXH thông qua. Với danh mục đầu tư như vậy, hoạt động đầu tư quỹ BHXH tuy được đánh giá an toàn nhưng hiệu quả đầu tư chưa cao;

- Điều 4, Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định quỹ BHXH đầu tư theo hình thức “Mua trái phiếu Chính phủ” nhưng lại không quy định rõ việc bán trái phiếu Chính phủ mà chỉ nêu “trường hợp cần thiết phải bán trái phiếu Chính phủ để thu hồi trước hạn, BHXH Việt Nam có văn bản nêu rõ lý do, trình Hội đồng quản lý xem xét, quyết định”. Quy định này gây khó khăn cho BHXH Việt Nam trong việc tham gia tích cực vào thị trường trái phiếu Chính phủ và thực hiện đầu tư trái phiếu Chính phủ linh hoạt, hiệu quả theo hướng chuyên nghiệp (bao gồm áp dụng các nghiệp vụ REPO, hoán đổi, mua/bán trái phiếu Chính phủ tại thị trường thứ cấp);

### 5.4. Các giải pháp tăng cường hiệu quả công tác đầu tư và đánh giá tài chính Quỹ bảo hiểm xã hội

Những khía cạnh pháp lý sau đây cần được xem xét, bổ sung:

- Quy định cơ chế và trách nhiệm rõ ràng của các bên liên quan trong đánh giá tài chính định kỳ quỹ BHXH;

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục đầu tư quỹ BHXH và quy trình thực hiện đầu tư.

## VI. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ TỐ CÁO VỀ BHXH GIAI ĐOẠN 2016-2019

### 6.1. Tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về BHXH

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHXH nhìn chung được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về BHXH thời gian qua đã hạn chế được tình trạng tồn đọng, vượt cấp.

Hình thức khiếu nại, tố cáo về BHXH chủ yếu là đơn thư đề nghị, kiến nghị, hỏi về chính sách BHXH. Những khiếu nại, tố cáo nghiêm trọng thường xảy ra khi người lao động không được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội do không được đóng bảo hiểm xã hội vì nợ đọng, bỏ trốn của người sử dụng lao động. Tình hình xử lý vi phạm pháp luật BHXH giai đoạn 20016-2019 được thể hiện trong Biểu 14.

**Biểu 14: Tình hình xử lý vi phạm pháp luật BHXH giai đoạn 20016-2019**

*Đơn vị tính: văn vản, triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **Tổng cộng** |
| 1. Số quyết định xử phạt vi phạm hành chính về BHXH đã ban hành | 104 | 239 | 1.051 | 892 | 2.286 |
| 2. Số tiền xử phạt vi phạm hành chính phải thu, *trong đó:* | 2.174 | 7.899 | 37.723 | 43.006 | 90.802 |
| *- Số tiền đã thu* | *1.523* | *1.749* | *7.288* | *13.398* | *23.958* |

*Nguồn:* Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam

### 6.2. Những hạn chế, vướng mắc trong giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội

- Việc mất mát và lưu giữ không đầy đủ hồ sơ giấy tờ liên quan đến quyền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của người lao động trong một thời gian dài, đặc biệt đối với chế độ hưu trí.

- Thiếu tính đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, điển hình là mặc dù có quyền khởi kiện ra Toàn án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội nhưng các tổ chức công đoàn rất khó thực hiện quyền này trong thực tiễn.

### 6.3. Các giải pháp tăng cường hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội

Quy định cụ thể và trách nhiệm rõ ràng của các bên liên quan trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội, đặc biệt quyền khởi kiện ra Toàn án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội của các tổ chức công đoàn.

## VII. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

### 7.1. Công tác hiện đại hóa quản lý bảo hiểm xã hội

Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) đóng vai trò chiến lược trong thực hiện bảo hiểm xã hội, cho phép cải thiện chất lượng dịch vụ của các tổ chức bảo hiểm xã hội. Chính vì vậy, BHXH Việt Nam đã chủ động, tích cực trong:

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thực hiện chính sách BHXH, bao gồm:

(i) Tập trung nâng cấp phần mềm thu và quản lý sổ - thẻ (TST), phần mềm xét duyệt chính sách BHXH (TCS) và Phần mềm Cấp mã số BHXH góp phần giảm thời gian tác nghiệp, thời gian giao dịch và giảm hồ sơ bằng giấy; phần mềm TCS được kết nối với cơ sở dữ liệu thu và quản lý sổ thẻ để hỗ trợ đối soát trong giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, góp phần đẩy nhanh quá trình giải quyết chế độ BHXH đối với người dân và phát hiện một số trường hợp sai phạm, có dấu hiệu trục lợi.

(ii) Cơ bản hoàn thành việc rà soát, đối chiếu mã số BHXH, xác nhận thời gian đã đóng BHXH trên sổ BHXH và bàn giao sổ BHXH cho người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật BHXH 2014; tiến với việc thay thế sổ BHXH bằng thẻ BHXH điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 96 Luật BHXH 2014.

(iii) Liên quan tới việc cấp mã số an sinh xã hội cho công dân, ngày 25 tháng 5 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 708/QĐ-TTg phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết chính sách an sinh xã hội đến năm 2020 và định hướng phát triển đến năm 2030, trong đó đặt ra mục tiêu về hoàn thiện cơ sở pháp lý và triển khai cấp số và thẻ an sinh xã hội điện tử.

- Tích cực trong việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH với các kết quả:

(i) 445.330 đơn vị đăng ký tham gia giao dịch điện tử BHXH; năm 2019, cơ quan BHXH đã tiếp nhận 62.429.593 hồ sơ giao dịch điện tử.

- Số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan BHXH là 27 thủ tục, trong đó 22 thủ tục liên quan tới lĩnh vực BHXH, BHTN và 5 thủ tục chỉ thuộc lĩnh vực BHYT, trong đó: 11/22 (50%) thủ tục là dịch vụ công mức độ 4; 5/22 thủ tục (22,7%) thủ tục là dịch vụ công mức độ 3 và 6/22 (27,3%) thủ tục là dịch vụ công mức độ 2.

- Chủ động xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý BHXH. Đến nay, về cơ bản các cơ sở dữ liệu quản lý đối tượng tham gia, đối tượng thụ hưởng các chế độ BHXH đã được hoàn thiện, chuẩn hóa và liên thông trên phạm vi toàn quốc và thực hiện kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên.

- Từng bước chia sẻ thông tin, kết nối dữ liệu giữa cơ quan BHXH với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan khác, bao gồm:

(i) Cơ quan BHXH và cơ quan thuế đã trao đổi dữ liệu về người sử dụng lao động tham gia BHXH và dữ liệu tổ chức, cá nhân trả thu nhập đang nộp thuế để phối hợp quản lý thu các khoản BHXH bắt buộc, BHYT, BHTN và quản lý thu thuế, thông qua đó phát hiện đơn vị trốn đóng BHXH, đóng không đủ BHXH để có biện pháp xử lý.

(ii) Bổ sung chức năng Tra cứu BHTN trên Cổng Thông tin điện tử của cơ quan BHXH ; đồng thời cấp tài khoản để hỗ trợ cán bộ thuộc trung tâm dịch vụ việc làm tra cứu các thông tin về BHTN .

(iii) Khai trương cơ sở dữ liệu chuyên ngành BHXH và kết nối với hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch qua Hệ thống kết nối liên thông các hệ thống thông tin từ Trung ương đến địa phương .

(iv) Tích hợp, giải quyết liên thông cấp lại thẻ BHYT do hỏng, mất trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Định kỳ cung cấp thông tin về đóng BHXH cho người lao động và trách nhiệm của người sử dụng lao động và cơ quan BHXH. BHXH Việt Nam đã triển khai Hệ thống tương tác đa phương tiện giữa người dân và doanh nghiệp với cơ quan BHXH (Hệ thống SMS). Qua đó, tổ chức, cá nhân có thể chủ động hơn trong việc nắm bắt, cập nhật thông tin quá trình tham gia, thụ hưởng các chính sách BHXH, BHYT; tích cực tham gia phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân. Bên cạnh đó, cơ quan BHXH triển khai sử dụng trí tuệ nhân tạo (Chatbot) để trả lời tự động các vấn đề thường gặp trên Cổng thông tin điện tử và fanpage.

Tuy nhiên, việc kết nối hệ thống thông tin điện tử về BHXH chưa có sự liên thông, kết nối với 6 cơ sở dữ liệu quốc gia như cấp phép doanh nghiệp[[17]](#footnote-17), quản lý lao động, quản lý thuế dẫn đến công tác xác định, quản lý đối tượng thuộc diện tham gia BHXH còn nhiều hạn chế.

Từ năm 2016, mặc dù đã cơ quan Thuế hàng năm cung cấp dữ liệu và BHXH Việt Nam đã gửi danh sách doanh nghiệp chưa đóng, doanh nghiệp chưa đóng đầy đủ cho số người thuộc diện phải tham gia BHXH, BHYT bắt buộc trên địa bàn đến BHXH tỉnh, thành phố và BHXH cấp huyện, quận để đôn đốc, thanh tra, kiểm tra nhằm khắc phục hậu quả, nhưng bảo hiểm xã hội các tỉnh/thành phố có số doanh nghiệp, số lao động chưa đóng, trốn đóng lớn mới chỉ rà soát, làm việc, đôn đốc được từ 40% đến 50%[[18]](#footnote-18).

### 7.2. Công tác thống kê, kế toán tài chính về bảo hiểm xã hội

Một trong những trách nhiệm của cơ quan bảo hiểm xã hội là thực hiện công tác thống kê, kế toán tài chính về bảo hiểm xã hội. Số liệu thống kê, kế toán tài chính về bảo hiểm xã hội chính xác, đầy đủ, rõ ràng sẽ tạo dựng được lòng tin của các bên tham gia bảo hiểm xã hội cũng như hỗ trợ cho cơ quan quản lý Nhà nước trong kịp thời sửa đổi, bổ sung và hoạch định chính sách.

Trong giai đoạn 2016-2019, mặc dù ngành bảo hiểm xã hội đã có nhiều chuyển biến tích cực trong xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống thống kê về bảo hiểm xã hội. Tuy nhiên việc cung cấp và chia sẻ số liệu để phục vụ công tác xây dựng chính sách, pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế.

# Phần thứ tư

**KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT**

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH THI HÀNH LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014

### 1.1. Về công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH

- Chưa xác định đúng tầm quan trọng của công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về bảo hiểm xã hội nên việc triển khai thực hiện chưa đồng bộ, đầu tư nguồn lực con người và tài chính cho công tác này chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong khi hầu hết các địa phương đều báo cáo là đội ngũ tuyên truyền viên về BHXH của họ chưa được tập huấn bài bản về kiến thức và kỹ năng tuyên truyền và nguồn kinh phí dành cho công tác này hoàn toàn dựa vào nguồn ngân sách rất hạn hẹp của địa phương;

- Đối tượng được tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về pháp luật BHXH còn hạn hẹp, mới chỉ tập trung ở các khu đô thị, khu công nghiệp, các doanh nghiệp lớn và khu vực việc làm chính thức; còn rất hạn chế ở các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt ở các làng nghề và khu vực việc làm phi chính thức - những nơi mà việc phát triển đối tượng rất cần được quan tâm.

### 1.2. Về công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

- Điều kiện 20 năm đóng BHXH để được hưởng chế độ hưu trí hàng tháng là quá dài không phù hợp với khả năng tạo và duy trì việc làm cho người lao động của nền kinh tế.

- Những đối tượng được Luật BHXH 2014 bổ sung điều chỉnh là những nhóm luôn biến động, không dễ quản lý. Mức độ phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc phụ thuộc rất lớn vào sự tham gia của những người sử dụng lao động. Tuy nhiên, tỷ trọng doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa (DNNVV) lớn và Luật BHXH 2014 chưa điều chỉnh đối với những nhóm đối tượng có khả năng đóng góp để tham gia BHXH bắt buộc, bao gồm: (i) chủ hộ kinh doanh cá thể; (ii) người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương và (iii) những người tham gia trong nền kinh tế chia sẻ phát sinh các quan hệ lao động mới không có hợp đồng lao động (Grab) khiến công tác này gặp nhiều khó khăn.

- Sự khác biệt lớn trong thụ hưởng các chế độ giữa BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện. Trong khi các rủi ro trước mắt về mất thu nhập như ốm đau, thai sản, nuôi con nhỏ - ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống cá nhân - không được bảo hiểm, lại phải đóng góp và chờ đợi quá lâu để hưởng chế độ hưu trí và tử tuất. Vì vậy, mặc dù Nhà nước đã có chính sách hỗ trợ đóng BHXH đối với người tham gia tự nguyệnnhưng vẫn chưa có tác động lớn đến sự tham gia của người dân.

- Thiếu cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan BHXH trong giám sát công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thông qua việc chia sẻ số liệu về quyết toán thuế của các doanh nghiệp nhằm đảm bảo không có sự chênh lệc giữa số lượng lao động mà doanh nghiệp thực tế sử dụng và số lượng lao động thực hiện quyết toán thuế.

### 1.3. Về công tác thu bảo hiểm xã hội

- Tình trạng nợ BHXH diễn ra khá phức tạp trong khi các thủ tục xử lý vấn đề nợ đọng BHXH còn nhiều bất cập, ví dụ mặc dù đã có Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-LĐTBXH-BTC-NHNN ngày 18 tháng 2 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước, nhưng các ngân hàng vẫn chưa thực hiện việc trích tiền từ tài khoản của doanh nghiệp nợ BHXH chuyển cho cơ quan BHXH.

- Quyền khởi kiện của các tổ chức công đoàn ra Tòa án đối với hành vi vi phạm pháp luật về BHXH gặp nhiều hạn chế do những bất cập trong quy trình tố tụng.

### 1.4. Về công tác giải quyết và chi trả chế độ bảo hiểm xã hội

- Tình hình trục lợi các chế độ bảo hiểm xã hội đã và vẫn tiếp tục là một thách thức đối với cơ quan BHXH các cấp và xảy ra dưới nhiều hình thức tinh vi, phức tạp.

- Tỷ lệ chi trả chế độ hưu trí và trợ cấp BHXH hàng tháng qua tài khoản ngân hàng vẫn còn thấp. Việc chi trả các chế độ ngắn hạn chủ yếu vẫn được thực hiện thông qua người sử dụng lao động. Điều này dẫn đến việc thanh quyết toán quỹ BHXH hàng năm chậm, gây lãng phí cho công tác quản lý do khối lượng hồ sơ giấy tờ lớn.

### 1.5. Về công tác thanh tra và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BHXH

Tính cưỡng chế sau thanh tra của ngành LĐ-TBXH nói chung và chuyên ngành về đóng BHXH nói riêng còn thấp. Tình trạng vi phạm pháp luật về trốn đóng BHXH, BHYT bắt buộc sau thanh tra, kiểm tra chưa được khắc phục triệt để. Tình trạng doanh nghiệp sau khi thanh tra có kết luận và đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nhưng doanh nghiệp cố tình không chấp hành, kể cả không nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước dẫn đến tình trạng “nhờn luật”. Năm 2018, tỷ lệ chấp hành hình phạt sau thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về đóng bảo hiểm xã hội chỉ đạt dưới 30%.

### 1.6. Về công tác đầu tư và đánh giá tài chính Quỹ bảo hiểm xã hội

- Thiếu các tiêu chí để đánh giá tình trạng của ngân hàng “có chất lương hoạt động tốt theo xếp loại tín nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”;

- Danh mục đầu tư quỹ BHXH chưa đa dạng dẫn đến hoạt động đầu tư quỹ BHXH tuy được đánh giá an toàn nhưng hiệu quả đầu tư chưa cao;

- Quy định về đầu tư quỹ BHXH vào trái phiếu Chính phủ thiếu linh hoạt làm hạn chế vai trò của BHXH Việt Nam trong việc tham gia tích cực vào thị trường trái phiếu Chính phủ.

### 1.7. Về giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội

- Việc mất mát và lưu giữ không đầy đủ hồ sơ giấy tờ liên quan đến quyền hưởng chế độ bảo hiểm xã hội của người lao động trong một thời gian dài, đặc biệt đối với chế độ hưu trí.

- Thiếu tính đồng bộ giữa các văn bản quy phạm pháp luật trong xử lý vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội, điển hình là mặc dù có quyền khởi kiện ra Toàn án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội nhưng các tổ chức công đoàn rất khó thực hiện quyền này trong thực tiễn.

### 1.8. Về Công tác hiện đại hóa quản lý bảo hiểm xã hội

Tuy nhiên, việc kết nối hệ thống thông tin điện tử về BHXH chưa có sự liên thông, kết nối với 6 cơ sở dữ liệu quốc gia như cấp phép doanh nghiệp[[19]](#footnote-19), quản lý lao động, quản lý thuế dẫn đến công tác xác định, quản lý đối tượng thuộc diện tham gia BHXH còn nhiều hạn chế.

### 1.9. Về công tác thống kê, kế toán tài chính về bảo hiểm xã hội

Việc cung cấp và chia sẻ số liệu để phục vụ công tác xây dựng chính sách, pháp luật vẫn còn nhiều hạn chế.

## II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN ĐIỀU CHỈNH

### 2.1. Về tuyên truyền, phổ biến hiệu quả chính sách, pháp luật về BHXH

- Làm rõ vai trò chủ chốt của BHXH VN trong công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH để hỗ trợ cơ quan quản lý Nhà nước về bảo hiểm xã hội trong việc tạo được sự đồng thuận lớn trong xã hội khi có những điều chỉnh và sửa đổi chính sách về bảo hiểm xã hội trong những năm sắp tới, cũng như nâng cao nhận thức của người dân và các bên liên quan về trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia BHXH.

- Tăng cường số lượng và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền, phổ biến pháo luật về BHXH thông qua việc hình thành một bộ phận (Ban hoặc Phòng) riêng chịu trách nhiệm về quan hệ công chúng/chăm sóc khách hàng mà các công ty/doanh nghiệp bảo hiểm thương mại đều có.

### 2.2. Về công tác phát triển hiệu quả đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

- Điều chỉnh điều kiện về thời gian đóng BHXH để hưởng chế độ hưu trí là 10 năm hoặc 15 năm.

- Đưa những nhóm (i) chủ hộ kinh doanh cá thể; (ii) người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương và (iii) những người tham gia trong nền kinh tế chia sẻ phát sinh các quan hệ lao động mới không có hợp đồng lao động (Grab) vào đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

- Xem xét kết hợp hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện với mở rộng các chế độ thai sản, nuôi con nhỏ trong BHXH tự nguyện.

- Gắn kết chặt chẽ các chính sách bảo hiểm xã hội với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để có thể duy trì khả năng và năng lực đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động của họ.

- Thể chế hóa cơ chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan BHXH trong giám sát công tác phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

### 2.3. Về công tác thu bảo hiểm xã hội

- Quy định rõ trách nhiệm của cơ quan BHXH và của người sử dụng lao động trong cập nhật hàng quý thông tin đóng BHXH cho người lao động.

- Quy định rõ các thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong xử lý vấn đề nợ đọng BHXH.

- Xem xét và hoàn thiện quy trình tố tụng việc khởi kiện ra Tòa án của tổ chức công đoàn đối với hành vi vi phạm pháp luật về BHXH gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, tập thể người lao động, trong đó có vấn đề nợ BHXH.

### 2.4. Về giải quyết và chi trả hiệu quả các chế độ bảo hiểm xã hội

- Quy định cơ chế giám sát, kiểm tra chéo giữa các đơn vị có liên quan trong giải quyết các chế độ BHXH.

### 2.5. Về công tác thanh tra và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội

- Quy định thời gian tối đa phải chấp hành hình phạt sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thanh tra.

- Quy định mức phạt bổ sung khi không chấp hành hình phạt sau khi có quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan thanh tra.

### 2.6. Về công tác đầu tư và đánh giá tài chính Quỹ bảo hiểm xã hội

- Quy định cơ chế và trách nhiệm rõ ràng của các bên liên quan trong đánh giá tài chính định kỳ quỹ BHXH;

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung danh mục đầu tư quỹ BHXH và quy trình thực hiện đầu tư.

### 2.7. Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội

- Quy định cụ thể và trách nhiệm rõ ràng của các bên liên quan trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội, đặc biệt quyền khởi kiện ra Toàn án đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội của các tổ chức công đoàn.

### 2.8. Về công tác thống kê, kế toán tài chính về bảo hiểm xã hội

Quy định trách nhiệm và chu kỳ thực hiện các đánh giá tài chính bảo hiểm xã hội 3 năm hoặc 5 năm một lần đối với các quỹ BHXH.

## III. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014

Việc sửa đổi và bổ sung Luật BHXH 2014 cần quán triệt các quan điểm và các mục tiêu sau đây:

- Bảo hiểm xã hội là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, đời sống nhân dân, phát triển bền vững đất nước

- Thể chế hóa các quan điểm về cải cách chính sách BHXH được nêu trong Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy ban chấp hành Trung ương Khóa XII về Cải cách Chính sách bảo hiểm xã hội.

## IV. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH THÔNG QUA SỬA ĐỔI LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014

- Tạo nền móng cho tầng “Trợ cấp hưu trí xã hội” làm cơ sở vững chắc để xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng;

- Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội cả bắt buộc và tự nguyện thông qua (i) Sửa đổi điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo hướng giảm dần số năm đóng bảo hiểm xã hội tối thiểu để được hưởng chế độ hưu trí từ 20 năm xuống 15 năm, hướng tới còn 10 năm; (ii) Rà soát, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với các nhóm chủ hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương, người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt.

- Đẩy nhanh quá trình gia tăng số lao động tham gia bảo hiểm xã hội trong khu vực phi chính thức thông qua mở rộng các chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn, bao gồm thái sản và trợ cấp gia đình dành cho trẻ em với mức đóng, mức hưởng, phương thức đóng phù hợp với người lao động trong khu vực phi chính thức có sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Có quy định phù hợp để giảm tình trạng hưởng bảo hiểm xã hội một lần.

- Thực hiện điều chỉnh tuổi nghỉ hưu theo mục tiêu tăng tuổi nghỉ hưu chung, thu hẹp dần khoảng cách về giới trong quy định tuổi nghỉ hưu; đối với những ngành nghề đặc biệt, người lao động được quyền nghỉ hưu sớm, hoặc muộn hơn 5 tuổi so với tuổi nghỉ hưu chung.

 - Tăng cường công tác đánh giá, dự báo tài chính, hiệu quả đầu tư các quỹ bảo hiểm xã hội; đa dạng hóa danh mục, cơ cấu đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội theo nguyên tắc an toàn, bền vững và hiệu quả; ưu tiên đầu tư vào trái phiếu chính phủ, nhất là trái phiếu chính phủ dài hạn; nghiên cứu từng bước mở rộng sang các lĩnh vực có khả năng sinh lời cao, từng bước và có lộ trình đầu tư một phần tiền nhàn rỗi của Quỹ thông qua ủy thác đầu tư tại thị trường trong nước và quốc tế bảo đảm an toàn, bền vững./.

1. Ngân hàng Thế giới (2016) [↑](#footnote-ref-1)
2. Khoản 1 Điều 1 [↑](#footnote-ref-2)
3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 2019. [↑](#footnote-ref-3)
4. Điểm 1 Mục III Nghị quyết số 28/NQ-TW ngày 23/5/2018 của BCH Trung ương về cải cách chính sách BHXH. [↑](#footnote-ref-4)
5. Ví dụ: Chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH đối với những người tham gia BHXH tự nguyện áp dụng đối với những người từ 60 tuổi trở lên, nhưng trợ cấp xã hội hàng tháng dành cho người cao tuổi theo chính sách bảo trợ xã hội hiện hành (Nghị định số 136/2013/NĐ-CP) chỉ áp dụng đối với những người từ 80 tuổi trở lên. [↑](#footnote-ref-5)
6. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020; Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012 - 2020. [↑](#footnote-ref-6)
7. Điều 2 Luật BHXH năm 2014 [↑](#footnote-ref-7)
8. Điểu i khoản 1 Điều 2 Luật BHXH 2014 [↑](#footnote-ref-8)
9. Điều 14 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP [↑](#footnote-ref-9)
10. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và sự tham gia của hệ thống Bưu điện thuộc Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPost) với vai trò là đại lý thu BHXH tự nguyện. [↑](#footnote-ref-10)
11. Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật BHXH năm 2014 và Nghị định số 143/2018/NĐ-CP ngày 15/10/2018 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-11)
12. Báo cáo số 4059/BC-BHXH ngày 30 tháng 10 năm 2019 của BHXH Việt Nam [↑](#footnote-ref-12)
13. Công văn số /BTC-HCSN ngày…. tháng … năm 2019 của Bộ Tài chính [↑](#footnote-ref-13)
14. Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Đề án ủy thác thu bảo hiểm xã hội [↑](#footnote-ref-14)
15. Báo cáo số 331/BC-BHXH ngày 6 tháng 2 năm 2020 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về tình hình chi trả các chế độ BHXH, trợ cấp thất nghiệp và quản lý người hưởng qua hệ thống Bưu điện năm 2019 [↑](#footnote-ref-15)
16. Báo cáo số 15585/BTC-HCSN ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc Báo cáo tổng kết thi hành Luật bảo hiểm xã hội giai đoạn 2016-2019 [↑](#footnote-ref-16)
17. Báo cáo đánh giá, bổ sung tình hình kinh tế - xã hội quý 1 và năm 2020 của Bộ KH-ĐT: trong quý 1, cả nước có 29.700 doanh nghiệp (DN) đăng ký thành lập mới; Tổng số lao động đăng ký của các DN thành lập mới trong quý 1 là 243.711 lao động [↑](#footnote-ref-17)
18. Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Báo cáo đề án ủy thác thu bảo hiểm xã hội [↑](#footnote-ref-18)
19. Báo cáo đánh giá, bổ sung tình hình kinh tế - xã hội quý 1 và năm 2020 của Bộ KH-ĐT: trong quý 1, cả nước có 29.700 doanh nghiệp (DN) đăng ký thành lập mới; Tổng số lao động đăng ký của các DN thành lập mới trong quý 1 là 243.711 lao động [↑](#footnote-ref-19)